TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2017/HNGĐ-ST
Ngày 16/11/2017
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Thân Quốc Hùng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Xuân Chuyển
2. Ông Lý Đình Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: không tham gia.

Ngày 16/11/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXX-ST ngày 31/10/2017 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* anh Lương Văn T, sinh năm 1993 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: thôn TC xã TP, huyện YD, tỉnh Bắc Giang.

-*Bị đơn:* chị Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Sinh quán: xã HV, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện tại: Cộng hòa liên bang Đức.

Đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Nguyễn Thị Hoài T là: Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1965

Địa chỉ: Nhà số A, đường LA, phường TNH, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang (văn bản ủy quyền ngày 01/8/2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 12/10/2017 Nguyên đơn anh Lương Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Hoài T kết hôn ngày 27 tháng 6 năm 2014. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn. Khi kết hôn chị T từ Cộng hòa liên bang Đức bay về Việt Nam kết hôn, anh chị có đăng ký kết hôn tại Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị T về nhà anh ở chung cùng gia đình chồng được khoảng một tháng thì chị lại sang Cộng Hòa liên bang Đức, còn anh vẫn ở Việt Nam. Vợ chồng sống xa nhau ban đầu chị T và anh vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại hỏi thăm động viên nhau, nhưng càng về sau vợ chồng càng không hiểu nhau và tính cách cũng không hợp nhau nên ít liên lạc dần. Anh chị thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau qua điện thoại, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T không về Việt Nam sinh sống. Đến nay thì vợ chồng không còn liên lạc quan tâm đến nhau nữa. Nay, Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: không có gì, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Hoài T trình bày: Chị và anh Lương Văn T kết hôn ngày 27 tháng 6 năm 2014. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn. Chị và anh T có đăng ký kết hôn tại Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống với nhau được khoảng một tháng thì chị sang Cộng hòa liên bang Đức sinh sống. Đến nay đã ba năm xa nhau, trong ba năm này vợ chồng thường xuyên cãi vã vì chị không về Việt Nam. Tình cảm giữa chị và anh T phai nhạt dần, không còn tin tưởng nhau và luôn nghi ngờ nhau. Nay anh T xin ly hôn chị, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không có gì, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị đang sinh sống và làm việc ở Cộng hòa liên bang Đức nên chị có đơn đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh T và chị. Chị cũng ủy quyền cho ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1965, trú tại nhà số A, đường LA, phường TNH, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại cho chị biết.

Tại phiên tòa sơ thẩm do anh T và chị T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử đã công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh T, bản tự khai, giấy ủy quyền của chị T, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng: Anh Lương Văn T và chị Nguyễn Thị Hoài T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh T chị T.

[2]. Về thẩm quyền: Anh Lương Văn T là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị Hoài T, chị T có Hộ khẩu thường trú tại xã HV, huyện YT, tỉnh Bắc Giang, hiện nay chị đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa liên bang Đức. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] .Về quan hệ Hôn nhân: Anh Lương Văn T và chị Nguyễn Thị Hoài T có đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 6 năm 2014 tại Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn. Đây là Hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T ở nhà được khoảng một tháng thì tiếp tục sang Cộng Hòa liên bang Đức sinh sống còn anh T vẫn ở Việt Nam. Từ đó vợ chồng sống xa cách, không tin tưởng và luôn nghi ngờ nhau. vợ chồng mâu thuẫn vì chị T không về Việt Nam. Cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn anh T xin ly hôn chị T, chị T đồng ý. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 53, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Lương Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Hoài T.

[4]. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5].Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Anh Lương Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Hoài T.

2.Về án phí: Anh Lương Văn T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2010/000149 ngày 01/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

3.Về quyền kháng cáo: Anh Lương Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án.

Chị Nguyễn Thị Hoài T hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơinhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TT Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thân Quốc Hùng